

NGƯỜI THẦY CỦA MẤY VỊ THƯỢNG THƯ

■ Nguyễn Tâm Cần
Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam

Ngũ Phương tiên sinh là thầy dạy học và là thầy địa lý nổi tiếng ở thế kỷ XVII. Theo sách *Yên Thành Di tích và Danh thắng* thì ông tên là Mạc Phúc Thanh, con vua Mạc Mậu Hợp với bà Nguyễn Thị Niên (con gái của tướng Nguyễn Quyện). Năm 1592, kinh thành Thăng Long thất thủ, Nguyễn Anh (con Nguyễn Quyện) một tướng tâm phúc của vua Mạc Mậu Hợp đưa hai em gái của mình là Nguyễn Thị Sao - hoàng hậu của vua Mạc Mậu Hợp và Nguyễn Thị Niên - người được nhà vua sủng ái bấy giờ đang mang thai đi trốn. Mạc Phúc Thanh sinh vào mùa hè năm 1593 tại nhà ông Trịnh Hoan là một hào kiệt ở huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Lên 5 tuổi, được Nguyễn Anh đón hai mẹ con đến động Phương Lũng, sách Cổ Long (nay là xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa).

Lớn lên, ông được mẹ và cậu hướng dẫn học tập, rèn luyện, rồi cho đi học và lấy tên là Nguyễn Ngũ Phương. Ông là người thông minh, nhân hậu, học rộng, tài cao, am hiểu thiên văn, địa lý và sống hòa đồng nên đến đâu cũng được mọi người yêu mến. Vì biết âm mưu của chính quyền Lê Trịnh tiếp tục tiêu diệt

con cháu nhà Mạc, nên đến năm 1620, ông di chuyển vào Nghệ An tìm nơi sinh sống.

Trên bước đường sinh cơ lập nghiệp, có lúc ông phải đóng vai người làm thuê, lúc đầu đến xã Hưng Lập (nay là xã Quỳnh Lập, huyện Quỳnh Lưu), sau lại dời về làng Trung Phú, tổng Vân Tụ (nay thuộc xã Công Thành). Được một thời gian, đến năm 1645, ông lại chuyển đến làng Chân Cầm (làng Kẽ Gám), tổng Quán Triều, huyện Đông Thành (nay là làng Xuân Nguyên, xã Xuân Thành và làng Bình Nguyên, xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An) và định cư tại đây. Ông mất năm 1676, thọ 83 tuổi, được dân làng Gám lập miếu Thủ Chủ để thờ.

Giai thoại dân gian kể rằng: lần ấy ông đến làm công cho một gia đình giàu có như một người nông dân bình thường. Một hôm, trong làng có người đàn bà chết, người nhà đang lúc tang gia bối rối, chưa biết cậy nhờ ai viết văn cúng, ông vô tình lấy cây que vạch xuống đất một chữ “nộn” (nghĩa là non). Một người trông thấy liền hỏi: “Ông cũng biết chữ à?”. Ông trả lời: “Có biết chút ít”. Người nhà biết vậy đã nhờ ông viết cho bài văn cúng. Ngẫm nghĩ một lúc rồi ông cầm bút thảo ngay: “*Tích đồng nhậm tịch/ Kim biệt càn khôn/ Ai nhi trí tế/ Tình lại bất ngôn...*” (Dịch nghĩa: Xưa chung chăn gối/ Nay cách âm dương/ Đau lòng vô hạn/ Tình khó tỏ tường...).

Sau khi nghe bài văn cúng, mọi người kinh ngạc gọi ông bằng thầy và mời ngồi lên chiếu trên. Từ đó, được sự giúp đỡ của gia chủ và người dân địa phương, ông trở thành thầy dạy học. Thầy Ngũ Phương có một phương pháp dạy học rất hay mà ngày nay ta gọi là vấn đáp, tức là đặt ra những câu hỏi cho học trò suy nghĩ và trả lời, đồng thời luôn chú ý liên hệ với thực tế nên được học trò yêu thích. Một điều đáng khâm phục nữa là trong quá trình dạy học, dù bàn đến lĩnh vực nào, người thầy này cũng quan tâm đến lợi ích người dân và luôn coi dân là gốc. Nghe tiếng thầy dạy hay, học trò xa gần đến học ngày càng đông. Trường học của ông sớm nổi danh là có nhiều học trò đỗ cao và làm quan to, có thể kể ra một số học trò xuất sắc:

- Lưỡng quốc Tể tướng Lê Hiệu (1617-1680) là con quan Thượng thư Lê Kính ở làng Trảng Sơn, xã Quan Trung, huyện Đông Thành, nay thuộc xã Sơn Thành. Ông nổi tiếng là người học giỏi và thông minh từ nhỏ. Theo *Văn bia đề danh Tiến sĩ khoa Quý Mùi niên hiệu Phúc Thái năm thứ nhất (1643)* ở Văn Miếu Quốc Tử Giám thì ông là một trong hai người đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) lúc mới 27 tuổi. Ông đã giữ các chức quan như: Hàn lâm viện biện lý (phụ trách việc chỉnh lý, hiệu đính thư tịch của Viện hàn lâm), Công khoa cấp sự trung, Lễ khoa hữu thị lang, Thượng thư bộ Lễ, tước hầu. Năm 1663, ông được cử đi sứ sang Trung Quốc và được vua Khang Hy nhà Thanh phong hàm: “*Lưỡng quốc Tể tướng*”. Sau đó có công dẹp giặc ở Cao Bằng nên được thăng là Hình bộ Thượng thư, Tham tụng Tể tướng. Ông mất ngày 14/11/1680, sau khi mất được tặng Tả thị lang.

- Thượng thư Liêm Quận công Trần

Đăng Dinh (1620-1691) húy là Càn, tự là Cương Nghi, là con trai đầu cụt Trần Tuấn Kiệt lãnh chức Thượng tướng phụ quốc, chỉ huy quân cấm vệ quê ở thôn Phúc Thọ, tổng Quan Hóa, nay thuộc xã Phúc Thành, huyện Yên Thành và là cháu sáu đời của tướng quân Trần Nguyên Hãn. Năm 1664, ông đến kinh thành Thăng Long và trong một lần đàm đạo về văn chương thể sự, binh pháp... được gặp Thế tử Trịnh Căn, cháu đích tôn chúa Trịnh Tráng và được Thế tử mời về sống trong phủ chúa và dùng làm gia thần. Ở trong phủ, ông được Thế tử hết lòng tin tưởng và đã giúp Chúa Trịnh giải quyết nhiều công việc đối nội, đối ngoại. Có lần được lệnh hộ giá Chúa mang quân đi dẹp loạn, có năm được cử đi sứ Tàu..., ông đều hoàn thành nhiệm vụ. Năm 1687, được phong tước “Liêm quận công” rồi cùng Trịnh Tạc hai lần đi đánh quân Nguyễn ở phía Nam, đánh quân Mạc ở phía Bắc đều lập công to. Năm 1691, lúc 72 tuổi, được phong “Công bộ thượng thư”. Cũng trong năm đó, ông bị bệnh và mất ngày 27/3, khi đang tại nhiệm. Vua Lê thương tiếc ban 1.500 quan tiền, sai thủy binh đi quan tài về quê, chôn cất ở Đồng Vàng. Nhà vua truy phong là: Bộ hộ thượng thư, thiếu phó Liêm quân công, ban tên thụy Trung Túc và lệnh cho dân sở tại lập đền, thờ làm Phúc thần. Bia đá tại Phủ thờ Trần Đăng Dinh có khắc dòng chữ: “*Bẩm sinh khí thiêng tư chất tốt đẹp theo học tiên sinh Nguyễn Ngũ Phương khen ông có tài lạ*” (Văn bia Nghệ An trang 96).

- Thượng thư Hồ Sĩ Dương (1621-1681) là con Giám sinh Hồ Hoảng người làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, cũng là học trò thầy Ngũ Phương tiên sinh. Năm 1643, đậu giải nguyên rồi đến năm 1652, đậu tiến sĩ. Năm 1659, Triều đình mở khoa Đông các lấy 5 người (2 người là Đông các và 3 người là Hiệu thư), ông cùng với Hoàng giáp Nguyễn Văn Giai ở Can Lộc, Hà Tĩnh đỗ Đông các. Sau đó được bổ chức Lại khoa đô Cấp sự trung, rồi thăng Đông các đại học sĩ và được cử đi giao thiệp biên giới với quan quân nhà Thanh 5 lần đều giành thắng lợi. Khi trở về được thăng Binh bộ Tả thị lang Thượng tướng quân. Năm 1673, ông được cử làm chánh sứ sang Trung Quốc, trở về được làm tham tụng Thượng thư bộ Công, cuối năm được bổ làm Giám tu quốc sử Thượng thư bộ Hình kiêm Đông các đại học sĩ. Thời gian sau lại

được thăng Thượng thư bộ Lễ. Ông mất năm 1681, thọ 61 tuổi, được truy phong Thiếu bảo Duệ quận công.

Ngoài ra còn có Phạm Chất người làng An Bài, huyện Đông Thành là một trong hai người đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa Nhâm Thìn (1652) được phong Phó đô Ngự sử... và nhiều người khác trong đó có cả con trai ông là Huyền Nhai cũng vừa là học trò đậu Giải nguyên, thi Hội đỗ Tam giáp đồng Tiến sĩ được bổ làm Tri phủ Quỳnh Châu.

Theo truyền lại thì khi Ngũ Phương tiên sinh về định cư tại làng Gám, bấy giờ Trang Gám đất hoang còn nhiều, dân cư thưa thớt. Được sự đồng lòng của nhân dân, ông đã ra công hướng dẫn họ khai khẩn đất hoang mở rộng diện tích cây cấy, đào mương tiêu úng... biến những vùng đất hoang vu thành những cánh đồng trồng lúa và hoa màu. Ông cũng cho đắp các mô đất để bảo vệ làng, đào giếng để dân có nước dùng, đắp đường đi kết nối với bên ngoài và xây dựng cổng làng để chống thú dữ và ngăn ngừa cướp bóc xâm nhập vào làng. Ngoài ra, ông cũng hướng dẫn người dân làm nghề phụ như đan lát, đánh tranh lợp nhà, mở lò rèn, giúp nhiều người lấy hương làm nhà, lấy đất đặt mỏ mả... Đặc biệt, ông đã rất chú ý việc giáo dục thuần phong mỹ tục, khuyến khích sự học tập của con em trong làng, sự hỗ trợ giúp đỡ nhau giữa các gia đình, góp phần biến làng Gám thành một làng quê đông đúc, trù phú. Đồng thời, ông cũng giúp làng cưới chợ Gám, dựng đình Trung, quy định vùng chôn cất người chết và đặt tên là làng Chân Cầm. Những việc làm tình nghĩa và có tác dụng to lớn đó càng làm cho ông được người dân kính trọng, yêu quý.

Tiếng lành đồn xa, ông đã được vua Lê Anh Tông mời về Triều ban thưởng quan tước nhưng vì tuổi cao sức yếu, ông đã xin cáo từ (cũng có thể sợ bị lộ tung tích là người gốc họ Mạc nên ông đã từ chối). Nhà vua xét thấy ông đã có nhiều học trò đỗ đạt, có nhiều công trạng đối với nhân dân địa phương bèn thưởng cho 100 quan tiền, 10 thước vải gấm và ban cho tám thẻ bài khắc 8 chữ: “*Vì quốc truyền đạo sư biểu tư văn*”. Tạm dịch là: Vì quốc dân truyền đạo học, xứng đáng là bậc thầy trong làng văn.

Ông cũng có công tổ chức xây đền Gám bên cạnh chùa Gám, mở lễ hội đền chùa Gám với phong tục rước kiệu ngựa Lý Thiên Cương và rước linh vị thần Bạch Thạch từ đền Thượng về đền Hạ rất trọng thể. Theo truyền lại, lễ hội đền chùa Gám ngày xưa có năm tổ chức 3 ngày và không thể thiếu hội thi tuồng cổ, trống chiêng tể lễ, đấu cờ, đấu vật, kéo co... Về tuồng cổ, sau này làng Gám đã từng có gánh trò Đại Hàng của ông Trùm Triêm nổi tiếng một thời gian dài. Thời nhà Nguyễn, có lần đội tuồng đã được mời vào kinh đô Huế phục vụ cho nhà vua xem nhân dịp sinh nhật lần thứ 40 của vua Khải Định. Về hội thi đấu vật, các đô vật làng Gám luôn vô địch với câu truyền ngôn trong dân gian: “Một thằng Kê Gám bằng tám thằng Kê Găng, một thằng Kê Găng bằng năm thằng Kê Sọt”.

Ngũ Phương tiên sinh có mấy người vợ, con cháu đông. Nhiều dòng họ ở Nghệ An và Hà Tĩnh sau này vẫn nhận ông là Thủy tổ.

Như vậy là từ thế kỷ XVII, trên vùng đất Yên Thành, Nghệ An đã có một người thầy tài giỏi với phương pháp giảng dạy tiến bộ, đã có công đào tạo cho quê hương, đất nước nhiều học trò thành đạt, góp phần làm rạng danh cho đất học xứ Nghệ./.

Tư liệu tham khảo:

1. Yên Thành Di tích và Danh thắng, Huyện ủy - HĐND - UBND huyện Yên Thành, NXB Hội Nhà văn, 2015.
2. 280 giai thoại về con người và vùng đất Yên Thành - Nguyễn Tâm Cầm, Phan Bá Hàm, NXB Đại học Vinh, 2020.
3. Văn bia Quốc Tử Giám khoa Quý Mùi 1643, khoa Nhâm Thìn 1652.
4. Gia phả một số dòng họ ở huyện Yên Thành.